



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE REGULATIONS**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**  
**THIEN LONG GROUP CORPORATION**

**NIÊM YẾT TẠI**

**LISTED AT**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**  
**HSX DEPARTMENT HO CHI MINH CITY**

Ban hành/ Issued date 14/08/2024



## MỤC LỤC/ TABLE OF CONTENTS

|   |    |
|---|----|
| <b>Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG/ Chapter I. GENERALS</b> .....  | 4  |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....  | 4  |
| <i>Article 1. Scope of regulation and applicable subjects</i> .....   | 4  |
| Điều 2. Tài liệu tham khảo .....  | 4  |
| <i>Article 2. References</i> .....  | 4  |
| Điều 3. Các chữ viết tắt .....  | 5  |
| <i>Article 3. Abbreviations</i> .....   | 5  |
| Điều 4. Giải thích từ ngữ.....  | 6  |
| <i>Article 4. Definition of Terms</i> .....   | 6  |
| Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....   | 8  |
| <i>Article 5. Principles of information disclosure</i> .....  | 8  |
| Điều 6. Phương tiện công bố thông tin .....   | 9  |
| <i>Article 6. Means of information disclosure</i> .....   | 9  |
| <b>Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY/ Chapter II: INFORMATION DISCLOSURE OF THE COMPANY</b> .....  | 11 |
| Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....   | 11 |
| <i>Article 7. Implementation flow chart</i> .....   | 11 |
| Điều 8. Trình tự công bố thông tin.....   | 12 |
| <i>Article 8. Information disclosure order</i> .....  | 12 |
| Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin.....   | 13 |
| <i>Article 9. Postpone information disclosure</i> .....   | 13 |
| <b>Chương III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN/ Chapter III. INFORMATION DISCLOSURE OF INVESTORS WHO ARE SUBJECT MUST TO INFORMATION DISCLOSURE</b> ..... | 13 |
| Điều 10: Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin .....   | 13 |
| <i>Article 10. Information disclosure of investors who are subject must to information disclosure</i> .....   | 13 |
| <b>Chương IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM/ Chapter IV. RESPONSIBILITIES FOR IMPLEMENTATION AND HANDLING VIOLATIONS</b> .....   | 14 |
| Điều 11. Lưu trữ và bảo quản thông tin công bố .....  | 14 |

|   |           |
|---|-----------|
| <i>Article 11. Storing and preserving published information</i> .....                                 | 14        |
| Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....   | 15        |
| <i>Article 12. Handling violations of information disclosure</i> .....                                | 15        |
| Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....  | 16        |
| <i>Article 13. Authority to handle violations</i> .....   | 16        |
| Điều 14. Triển khai thực hiện.....  | 16        |
| <i>Article 14. Implementation</i> .....   | 16        |
| <b>PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÔNG TY THEO LUẬT CHỨNG KHOÁN</b> .....                  | <b>17</b> |
| <b><i>APPENDIX 1: LIST OF INFORMATION DISCLOSED BY THE COMPANY UNDER THE SECURITIES LAW</i></b> ..... | <b>17</b> |
| <b>PHỤ LỤC 2: CÁC MẪU BIỂU/ <i>APPENDIX 2: FORMS</i></b> .....  | <b>36</b> |



## Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG/ Chapter I. GENERALS

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### Article 1. Scope of regulation and applicable subjects

##### 1. Phạm vi điều chỉnh/ Scope of regulation

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Khối/ Bộ phận/ Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

*This Regulation regulates the Company's information disclosure on the Vietnamese stock market. At the same time, this Regulation regulates the coordination between affiliated units, Units/Divisions/Departments, individuals of the Company and other subjects in implementing information disclosure obligations.*

##### 2. Đối tượng áp dụng/ Applicable subjects

a) Người công bố thông tin.

*Person disclosing information.*

b) Các Khối/ Bộ phận/ Phòng ban liên quan.

*Relevant Units/Divisions/Departments*

c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

*Internal persons, related persons of internal persons, blockholder, groups of related persons holding 5% or more of the Company's voting shares.*

### Điều 2. Tài liệu tham khảo

#### Article 2. References

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;  
*Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020*
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
*Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019*
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  
*Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government elaboration of some articles of the Law on Securities*
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;  
*Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the stock market*



- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;  
*Pursuant to Decision No. 450/QĐ-UBCK of the State Securities Commission promulgating Regulations on using the Information Disclosure System of the State Securities Commission dated 14 July 2021*
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;  
*Pursuant to the Regulation on Information Disclosure at the Vietnam HSX issued with Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated 21 December 2021*
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
*Pursuant to the Regulations on listing and trading of listed securities issued together with Decision No. 17/QĐ-HĐTV dated 31 March 2022 of the Board of Members of the Vietnam HSX*
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.  
*Pursuant to the Charter and internal Regulations on corporate governance.*

### **Điều 3. Các chữ viết tắt**

#### **Article 3. Abbreviations**

- Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long  
*Company : Thien Long Group Corporation*
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
*SSC : State Securities Committee*
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN/  
*Information disclosure system of SSC*
- SGDCK/HOSE : Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
*HSX/ HOSE : Ho Chi Minh City HSX*
- ECM : Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thuộc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/  
*Electronic document management system of Ho Chi Minh City HSX*
- VSDC : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/  
*Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation*
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam  
*VSM : Vietnam Stock Market*
- CBTT : Công bố thông tin  
*Id : Information disclosure*

- HĐQT : Hội đồng quản trị  
*BoD* : *Board of Director*
- BCTC : Báo cáo tài chính  
*Fs* : *Financial statement*
- CĐL : Cổ đông lớn  
*Bhd* : *Blockholder*
- CPQ : Cổ phiếu quỹ  
*TS* : *Treasury Stock*
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông  
*GMS* : *General Meeting of Shareholders*
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
*ERC* : *Enterprise Registration Certificate*
- CTĐC : Công ty đại chúng  
*PC* : *Public Corporation*
- NNB : Người nội bộ  
*IP* : *Internal Person*
- NCLQ : Người có liên quan  
*RP* : *Related Person*

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

##### ***Article 4. Definition of Terms***

##### **1. Người nội bộ của Công ty là/ *Internal Person of the Company* is:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;  
*Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, legal representatives, General Director of Operations, Deputy General Director, Chief Financial Officer, Chief Accountant and equivalent management positions appointed by The General Meeting of Shareholders elects or the Board of Directors appoints;*
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;  
*Head of the Board of Supervisors and members of the Board of Supervisors (Controllers), members of the Internal Audit Committee;*
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.



*Company secretary, person in charge of corporate governance, person authorized to disclose information.*

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

*Information disclosure date is the date the information appears on one of the information disclosure media specified in Article 6 of this Regulation.*

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP. Hồ Chí Minh hoặc ngày UBCKNN, SGDCK TP. Hồ Chí Minh nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

*The reporting date on information disclosure is the date faxed, sent via email, the date that the information is received on the information disclosure system of the SSC, the information disclosure means of HSX or on the date of SSC, HSX receives the written report, whichever comes first.*

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

*For documents in writing: Valid documents are originals or valid copies. Requirements of valid documents:*

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

*For documents of individuals: Documents with full name and signature of the individual.*

- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

*For organizational documents: Documents certified by the competent person include: full name, position, signature of the competent person, stamp (if any).*

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

*Scanned documents used for Id must have full content as prescribed for valid documents.*

6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

*Electronic data used for information disclosure is data in word/excel/pdf format (word/excel uses Unicode encoding).*

7. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

*The person disclosing information is the company's legal representative or the person authorized to disclose information. The company's legal representative must be responsible for the accuracy, timeliness and completeness of the information published by the person authorized to disclose information.*

8. Người có liên quan<sup>[1]</sup> là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

---

[<sup>1</sup>] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019/ Pursuant to the provisions of Article 4 of Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019



*Relevant persons are individuals and organizations that have relationships with each other in the following cases:*

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó/ *An enterprise and its internal actors;*
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

*An enterprise and any organization or individual that holds more than 10% of voting shares or stakes of such enterprise;*

- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

*Any organization or individual that directly or indirectly supervises or is directly or indirectly supervised by another organization or individual; two organizations or individuals under the management of the same entity;*

- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

*An individual and his/her biological parent, adoptive parent, father- or mother-in-law, spouse, biological child, son- or daughter-in-law, sibling, brother- or sister-in-law;*

- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

*An organization or individual that is the representative of another organization or individual in a contract;*

- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

*Other organizations and individuals that are relevant persons as defined by the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14.*

- 9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

*An approved auditing organization is an independent auditing organization on the list of auditing organizations approved to audit by the State Securities Commission according to the provisions of the Securities Law and the law on independent auditing.*

## **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

### **Article 5. Principles of information disclosure**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.  
*Information disclosure must be complete, accurate and timely according to the law.*
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

*Subjects disclosing information as prescribed in Clause 2, Article 1 of this Regulation must be responsible for the content of the disclosed information. If there is a change in the content of published information, the Subject disclosing the information must announce the content and the reason for the change compared to the previously published data.*

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

*When disclosing information, the Subject disclosing information as prescribed in Clause 2, Article 1 must simultaneously report to the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City HSX on the content of public information, including all required information.*

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

*Disclosure of personal data includes: ID, military ID, valid passport, contact address, permanent address, phone number, fax number, email, stock trading account number, Securities depository account number, bank account number, transaction code of foreign investors, economic organizations with foreign investment capital owning more than 50% of charter capital can only be implemented if the subject concerned agree.*

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

*If the disclosed information includes personal information specified in Clause 4, Article 5 of this Regulation and the subjects disclosing the information do not agree to publicise it, it must be sent to the Securities Commission State and Ho Chi Minh City HSX 02 documents, of which 01 report on information disclosure includes full personal information and 01 report does not include personal information to The State Securities Commission, and Ho Chi Minh City HSX to make information public.*

## **Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

### **Article 6. Means of information disclosure**

| <b>STT<br/>No.</b> | <b>Đối tượng tiếp nhận CBTT<br/>Subjects receiving Id</b> | <b>Phương tiện CBTT<br/>Means of Id</b>   |
|--------------------|---|---|
| 1                  | Công ty/ Company  | Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (*)<br><i>Investor Relations (investor) section on the Company's website. (*)</i> |



|   |  |   |
|---|--|---|
| 2 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước<br><i>State Securities Committee</i>   | Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN- IDS<br><i>Information disclosure system of the State Securities Commission - IDS</i>   |
| 3 | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh<br><i>Ho Chi Minh City HSX</i>  | Trang thông tin điện tử của SGDCK - Hệ thống ECM<br><i>Electronic information page of Ho Chi Minh City HSX - ECM system</i>   |
| 4 | Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp<br><i>Other mass media as prescribed by law in some cases</i> | Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam<br><i>Electronic information page of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.</i> |
| 5 |  | Báo in, Báo điện tử, v.v...<br><i>Print newspapers, Electronic newspapers, etc.</i>   |

**(\*) Lưu ý/Note:**

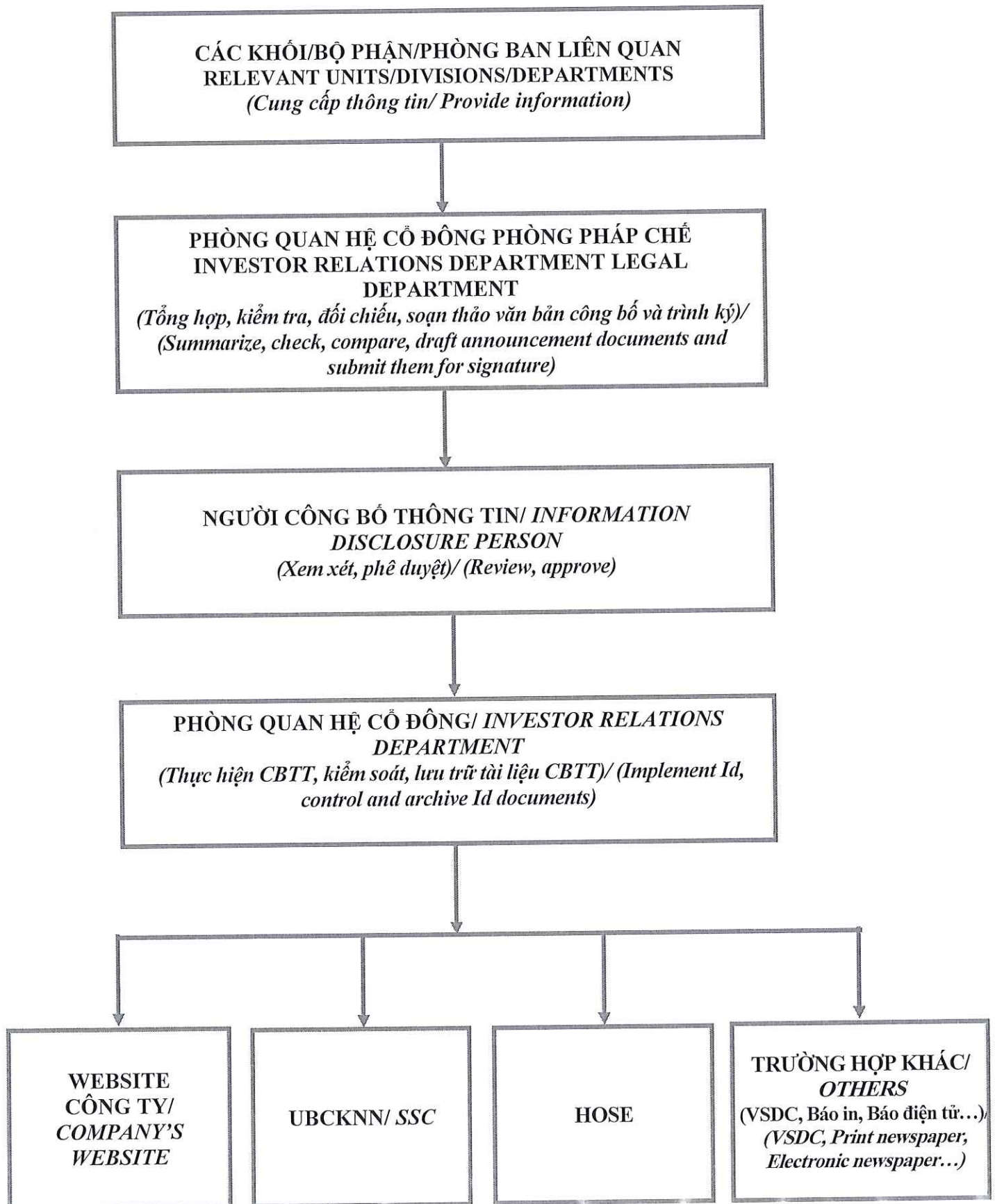
- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.  
*In case the obligation to disclose information arises on days off or holidays, the Company will still disclose information on the Company's Investor Relations Section on days off or holidays per the law. The Company fully fulfils its obligation to disclose information according to legal regulations on a working day immediately following a day off or public holiday.*
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.  
*When establishing a website, the company must report to the State Securities Commission and the HSX and publicize the website address and any changes related to this address within **03 working days** from the date of completing the creation of the website or changing the address of website.*
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.  
*The website must display the time of posting information and must ensure that investors can easily search and access data on that website.*



Chương II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY/ *Chapter II: INFORMATION  
DISCLOSURE OF THE COMPANY*

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

Article 7. Implementation flow chart



## **Điều 8. Trình tự công bố thông tin**

### **Article 8. Information disclosure order**

#### **1. Cung cấp thông tin/ Provide information**

- Danh mục thông tin công bố theo Luật Chứng khoán, Người phụ trách cung cấp thông tin và Thời hạn cung cấp thông tin được trình bày trong *Phụ lục 1: Danh mục thông tin công bố theo Luật chứng khoán*.

List of information disclosed under the Securities Law, Person in charge of providing information and Time limit for providing information are presented in *Appendix 1: List of information disclosed under the Securities Law*.

- Định kỳ hoặc khi phát sinh thông tin cần công bố, Người phụ trách cung cấp thông tin có trách nhiệm chuyển thông tin đến Phòng Quan hệ cổ đông. Thông tin được trình bày dưới dạng văn bản, kèm theo tập tin dữ liệu điện tử (Word, Excel, PDF...).

*Periodically or when information needs to be disclosed, the person in charge of providing information is responsible for transferring the information to the Investor Relations Department. Information is presented in text form, accompanied by electronic data files (Word, Excel, PDF...).*

- Người phụ trách cung cấp thông tin chuyển thông tin đến Phòng Quan hệ cổ đông nhanh nhất có thể kể từ khi phát sinh thông tin cần công bố nhưng chậm nhất là 14h00 trong ngày cuối cùng phải CBTT. Nội dung cung cấp cho Phòng Quan hệ cổ đông phải bao gồm tiếng Việt và Tiếng Anh.

*The person in charge of providing information transfers information to the Investor Relations Department as quickly as possible from the time the information needs to be disclosed, but no later than 2:00pm on the last day to disclose information. Content provided to the Investor Relations Department must include Vietnamese and English.*

#### **2. Soát xét và soạn thảo văn bản công bố/ Review and draft the disclosure document**

- Phòng Quan hệ cổ đông phối hợp với Phòng Pháp chế kiểm tra tính đầy đủ và đối chiếu với các quy định của pháp luật đối với thông tin cần công bố. Sau đó soạn thảo văn bản công bố theo biểu mẫu trong các quy định và hướng dẫn của Luật chứng khoán, UBCKNN, SGDCK, VSDC.

*The Investor Relations Department coordinates with the Legal Department to check the completeness and compare the information that needs to be disclosed with legal regulations. Then draft the announcement document according to the form in the regulations and instructions of the Securities Law, SSC, HSX, and VSDC.*

#### **3. Phê duyệt/ Approval**

- Phòng Quan hệ cổ đông trình người CBTT xem xét và phê duyệt/ *The Investor Relations Department submits to the Information disclosure person for review and approval.*
- Riêng đối với báo cáo tài chính Quý, 06 tháng và năm (riêng và hợp nhất, bao gồm nội dung giải trình biến động kết quả kinh doanh), Khối Tài chính Kế toán có trách nhiệm trình Tổng Giám đốc Điều hành ký và chuyển cho Phòng Quan hệ cổ đông để CBTT/ *Particularly for quarterly, 6-month and annual financial reports (separate and consolidated, including an*



*explanation of changes in business results), the Finance and Accounting Unit is responsible for submitting them to the Chief Executive Officer for signature and Transfer to the Investor Relations Department to information disclosure.*

#### **4. Công bố thông tin/ Information disclosure**

- Phòng Quan hệ cổ đông gửi CBTT đến các cơ quan quản lý theo quy định, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty và gửi Bộ phận Truyền thông và Đối ngoại để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có).

*The Investor Relations Department sends Information disclosure to management agencies according to regulations, and at the same time, posts it on the Company's official website and sends it to the Communications and External Relations Divisions for posting on other mass media (if any).*

#### **Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin**

##### **Article 9. Postpone information disclosure**

Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

*In case information disclosure cannot be done on time due to force majeure reasons (natural disasters, fires...). The company must report to SSC and the HSX about the postponement of information disclosure immediately after the event, clearly stating the reason for the postponement of information disclosure, and at the same time announce the postponement of information disclosure; Immediately after overcoming the force majeure situation, the Company is responsible for fully disclosing information that has not previously been disclosed under the law.*

### **Chương III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN/ Chapter III. INFORMATION DISCLOSURE OF INVESTORS WHO ARE SUBJECT MUST TO INFORMATION DISCLOSURE**

#### **Điều 10: Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin**

##### **Article 10. Information disclosure of investors who are subject must to information disclosure**

1. Người nội bộ của công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

*Internal persons of public companies as prescribed in Clause 45, Article 4 of the Securities Law and related persons of internal persons;*

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;

*Blockholders, related persons owning 5% or more of the voting shares of a public company;*



3. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành;  
*Group of related foreign investors owning 5% or more of the voting shares of 01 issuing organization;*
4. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng;  
*Shareholders and related groups buy to own 5% or more of the voting shares of a public company;*
5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng  
*Organizations and individuals making public offers to buy shares of public companies*

Danh mục thông tin công bố theo Luật Chứng khoán, Người phụ trách cung cấp thông tin và Thời hạn cung cấp thông tin được trình bày trong *Phụ lục 1: Danh mục thông tin công bố theo Luật Chứng khoán* đính kèm Quy chế này.

*The list of information disclosed under the Securities Law, the person in charge of providing information and the time limit for providing information are presented in Appendix 1: List of information disclosed under the Securities Law attached to this Regulation.*

#### **Chương IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM/ Chapter IV. RESPONSIBILITIES FOR IMPLEMENTATION AND HANDLING VIOLATIONS**

##### **Điều 11. Lưu trữ và bảo quản thông tin công bố**

##### **Article 11. Storing and preserving published information**

1. Thông tin công bố phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty dưới dạng văn bản, tập tin điện tử, dữ liệu, băng ghi hình, băng ghi tiếng, bài báo...  
*Published information must be stored at the Company's headquarters as in writing, electronic files, data, video tapes, audio tapes, articles...*
2. Bộ phận lưu trữ/ *Storage divisions*:
  - Phòng Quan hệ cổ đông: chịu trách nhiệm lưu trữ đối với CBTT theo Luật Chứng khoán;  
*Investor Relations Department: responsible for storage of the information disclosure according to the Securities Law;*
  - Bộ phận Đối ngoại và Truyền thông: chịu trách nhiệm lưu trữ đối với CBTT cho các Phương tiện thông tin đại chúng.  
*Foreign Affairs and Communications Department: responsible for storage of the information disclosure for the mass media.*
3. Việc bảo quản, lưu trữ thông tin công bố phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật hoặc quy định về lưu trữ thông tin hiện hành của Công ty.  
*The preservation and storage of published information must comply with the provisions of law or the Company's current information storage regulations.*
4. Thời gian lưu trữ Thông tin đã công bố theo quy định sau/ *Storage period for published information according to the following regulations:*

- Thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ bằng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm, đồng thời lưu giữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm;  
*Periodically published information must be stored in writing (if any) and electronic data for a minimum of 10 years, and kept on the website for a minimum of 5 years;*
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử tối thiểu 05 năm.  
*Irregularly published Information or upon request must be kept on the website for at least 5 years.*

## **Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

### **Article 12. Handling violations of information disclosure**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

*The subjects specified in Clause 2, Article 1 of this Regulation have violated the provisions of this Regulation, violated the provisions of law, causing damage to the Company related to the implementation, Management of information disclosure activities will be disciplined, administratively sanctioned or prosecuted for criminal liability, depending on the nature and severity of violations; If causing damage, compensation must be made according to the provisions of law.*

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

*Handling of violations of information disclosure is carried out according to Decree No. 156/2020/ND-CP dated December 31, 2020 Prescribing penalties for administrative violations against regulations on securities and securities market and other relevant legal documents.*

3. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

*The Chief Executive Officer has the right to propose forms of handling violations consistent with his functions and powers in cases of violation of this Information Disclosure Regulation.*

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc Điều hành, Tổng giám đốc Điều hành sẽ báo cáo Hội đồng Quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

*In case of serious violations, beyond the authority of the Chief Executive Officer, the Chief Executive Officer will report to the Board of Directors to handle violations according to regulations.*



### **Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

#### **Article 13. Authority to handle violations**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

*For violations arising from Person disclosing information: Handling of violations will be carried out in accordance with the law and the authority of the Board of Directors.*

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc Điều hành.

*For violations arising from individuals under the department, handling of violations will be carried out under the law and the authority of the Chief Executive Officer.*

### **Điều 14. Triển khai thực hiện**

#### **Article 14. Implementation**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

*Based on the content of the Regulation, relevant subjects are responsible for implementation.*

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

*In case there are provisions of law related to the obligation to disclose information that has not been mentioned in this Regulation or case there are new provisions of law different from the provisions in the Regulation, the provisions That law is naturally applied and regulates the information disclosure obligations of subjects with related information disclosure obligations.*

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

*Amendments and supplements to this Regulation are decided by the Chairman of the Board of Management after approval by the BoD.*

#### **Nơi nhận/ Recipients:**

- Lưu/ Storage.
- QHCD/ Investor Relations Department

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ON BEHALF OF THE BOARD  
OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN**



**CÔ GIA THỌ**



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÔNG TY THEO LUẬT CHỨNG KHOÁN**  
**APPENDIX 1: LIST OF INFORMATION DISCLOSED BY THE COMPANY UNDER THE SECURITIES LAW**

**A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ/ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br>Content of information disclosure  | Người phụ trách cung cấp thông tin<br>Person in charge of providing information | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/<br>Means of information disclosure        |
|------------|--|---|--|---|
| <b>1</b>   | <p><b>Báo cáo tài chính/ Financial report</b><br/>                     Bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp/ Includes all reports, appendices, and explanations according to legal regulations on corporate accounting</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên (06 tháng) đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập.<br/> <i>Separate and consolidated semi-annual financial statements (06 months) have been reviewed by independent auditors.</i></li> <li>- Và giải trình khi/ And explanations when:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước.<br/> <i>Profit after tax changes by 10% or more compared to the same period last year</i></li> <li>▪ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc lãi kỳ trước nhưng lỗ kỳ này hoặc ngược lại.<br/> <i>Profit after tax in the reporting period is a loss or profit in the previous period but a loss in this period or vice versa</i></li> <li>▪ Lợi nhuận sau thuế có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.<br/> <i>Profit after tax differs between before and after audit or review of 5% or more.</i></li> </ul> </li> </ul> | Khối Tài chính Kế toán/<br><i>Finance and Accounting Units</i>                  | Trong thời hạn 05 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 45 ngày sau khi kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính<br><i>Within 05 days after the auditor signs the report but must not exceed 45 days after the end of the first 6 months of the fiscal year</i> | UBCKNN, SGDCK, website Công ty<br>SSC, Hsx, Company website |

| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>   | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i> | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/<br><i>Means of information disclosure</i>                 |
|------------|--|--|--|---|
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giải trình trong trường hợp ý kiến kiểm toán không chấp nhận toàn phần phân báo cáo tài chính.<br/><i>Written explanation in case the audit opinion does not accept the entire financial report</i></li> <li>- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý. Trường hợp các báo cáo này đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập đúng hạn để công bố thì không cần công bố báo cáo chưa soát xét<br/><i>Separate and consolidated quarterly financial statements. In cases where these reports have been reviewed by independent auditors in time for publication, there is no need to publish the unreviewed reports</i></li> <li>- Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 của Phụ lục 1 này.<br/><i>And the explanation is similar to that mentioned in section 1.1 of this Appendix 1</i></li> </ul> | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>                 | <p>Trong thời hạn 20 ngày sau khi kết thúc quý hoặc 05 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá 45 ngày sau khi kết thúc quý<br/><i>Within 20 days after the end of the quarter or 05 days after the auditor signs the report, but must not exceed 45 days after the end of the quarter</i></p> | <p>UBCKNN, SGDCK,<br/>website Công ty<br/>SSC, HSX, Company<br/>website</p> |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm đã được kiểm toán.<br/><i>Audited annual separate and consolidated financial statements</i></li> <li>- Và giải trình tương tự như đề cập tại mục 1.1 của Phụ lục 1 này.<br/><i>And the explanation is similar to that mentioned in section 1.1 of this Appendix 1.</i></li> </ul>   | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>                 | <p>Trong vòng 10 ngày sau khi kiểm toán ký báo cáo nhưng không quá 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính<br/><i>Within 10 days after the auditor signs the report but no later than 90 days from the end of the fiscal year</i></p>   | <p>UBCKNN, SGDCK,<br/>website Công ty<br/>SSC, HSX, Company<br/>website</p> |
| 2          | <p><b>Báo cáo thường niên/ Annual report:</b><br/>theo Phụ lục 04, Thông tư 96/2020/TT-BTC<br/>according to Appendix 04, Circular 96/2020/TT-BTC</p>   | <p>Phòng Quan hệ cổ đông/<br/><i>Investor Relations Department</i></p>                 | <p>Trong vòng 20 ngày sau khi CBTT báo cáo tài chính nhưng không quá 110 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.</p>  | <p>UBCKNN, SGDCK,<br/>website Công ty<br/>SSC, HSX, Company<br/>website</p> |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>   | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i> | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/<br><i>Means of information disclosure</i> |
|------------|--|--|--|---|
|            |  |  | <i>Within 20 days after disclosure of financial statements but no more than 110 days after the end of the fiscal year.</i>   |   |
|            | Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường (Công bố toàn bộ tài liệu họp)<br><i>Annual and Extraordinary General Meeting of Shareholders (Disclosure of all meeting documents)</i> |  |  |   |
|            | - CBTT về việc họp ĐHĐCĐ/ <i>Information disclosure about GMS</i>  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng tham dự họp ĐHĐCĐ<br><i>20 days before the last registration date to attend GMS</i>   | UBCKNN, SGDCK, website Công ty SSC, HSX, Company website    |
| 3          | - Gửi công văn chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ<br><i>Send official dispatch finalizing the list of shareholders to exercise their right to attend GMS</i>             | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | Danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn<br><i>The list of shareholders attending the GMS is drawn up no more than 10 days before the date of sending the meeting invitation if the Company Charter does not stipulate a shorter time limit.</i> | TTLKCKVN/ VSDC  |
|            | - Công bố toàn bộ tài liệu họp như: thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin các ứng cử viên nếu có bầu thành viên                      | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | 21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên<br><i>21 days before the annual GMS</i>   | Website Công ty, HOSE, SSC                                  |

| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>  | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i>                                | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/<br><i>Means of information disclosure</i>  |
|------------|---|---|--|--|
|            | <p>HDQT, Ban kiểm soát, dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp</p> <p><i>Announce all meeting documents such as meeting invitation notice, meeting agenda, meeting documents, voting ballots, list and information of candidates if elected members of the BoD, Supervisory Board, draft resolution resolve each issue in the meeting agenda</i></p> <p>- Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên sau khi họp xong</p> <p><i>Minutes and Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders after the meeting is completed</i></p>                                 | Thư ký Công ty/<br><i>Company Secretary</i>   | 24 giờ/ hours  | <p><i>Company Website, HOSE, SSC</i></p> <p>UBCKNN, SGDCK, website Công ty SSC, HSX, Company website</p> |
| 4          | <p><b>Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng và năm</b><br/><i>Report on corporate governance situation every 06 months and years</i></p> <p>(Theo Phụ lục V của Thông tư 96/2020/TT-BTC, bao gồm 02 bản báo cáo: 1 bản có thông tin đầy đủ và 1 bản không có thông tin cá nhân đề CBTT và Mẫu NY-02 của Quy chế niêm yết 2022 của SGDCK HCM).</p> <p><i>(According to Appendix V of Circular 96/2020/TT-BTC, including 02 reports: 1 with complete information and 1 without personal information for information disclosure and Form NY-02 of the listed Regulations 2022 of HSE).</i></p> | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>  | Chậm nhất 30/7 và 30/1 hàng năm.<br><i>No later than July 30 and January 30 every year</i> | UBCKNN, SGDCK, website Công ty SSC, HSX, Company website   |
| 5          | <p><b>Hoạt động chào bán chứng khoán và phát hành thêm cổ phiếu</b><br/><i>Securities offering and issuance of additional shares</i></p> <p>Tùy theo nội dung của từng đợt chào bán/phát hành cổ phiếu mà thực hiện theo các quy định chi tiết hiện hành về CBTT, kết quả chào bán như sau:</p>   | Thư ký Công ty phụ trách Nghị quyết ĐHĐCĐ và HDQT<br><i>Phòng Quan hệ cổ đông/ The Company Secretary is in charge</i> |  |  |



| Stt No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>  | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i> | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/<br><i>Means of information disclosure</i>      |
|---------|---|--|--|--|
|         | <p><i>Depending on the content of each stock offering/issuance, regulations on information disclosure must be followed, the results are as follows:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào bán riêng lẻ: Thực hiện theo Mục 3, Chương II - Nghị định 155/2020/NĐ-CP<br/><i>Private offering: Follow Section 3, Chapter II - Decree 155/2020/ND-CP</i></li> </ul> | <p><i>of Resolutions of the GMS and BoD Investor Relations Department</i></p>          | <p>10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán<br/><i>10 days from the end of the offering</i></p>  | <p>UBCKNN, SGDCCK, website Công ty SSC, HSX, Company website</p> |
|         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào bán ra công chúng: Thực hiện theo Mục 2, Chương II - Nghị định 155/2020/NĐ-CP<br/><i>Public offering: Follow Section 2, Chapter II - Decree 155/2020/ND-CP</i></li> </ul>   |  | <p>- CBTT về việc chào bán: 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy CN chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực<br/><i>Information disclosure about the offering: 07 working days from the effective date of the public securities offering certificate</i></p> <p>- CBTT về kết quả chào bán: 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.<br/><i>Information disclosure on offering results: 10 days from the date of completion of the offering</i></p> |  |
|         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu để hoán đổi: Thực hiện theo Mục 4, Chương II – Nghị định 155/2020/NĐ-CP<br/><i>Issuing shares for swap: Follow Section 4, Chapter II - Decree 155/2020/ND-CP</i></li> </ul> <p>Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu hoặc), phát hành cổ phiếu</p>               |  | <p>Thực hiện theo hướng dẫn chi tiết theo thông tư</p>   |  |

| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>   | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i> | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period  | Phương tiện CBTT/<br><i>Means of information disclosure</i>     |
|------------|--|--|---|---|
|            | <p>để trả cổ tức, phát hành ESOP cho nhân viên và phát hành cổ phiếu trong các trường hợp khác. Thực hiện theo Mục 5, Chương II – Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p><i>Issuing bonus shares to existing shareholders (Increasing share capital from equity sources or), issuing shares to pay dividends, issuing ESOPs to employees and issuing shares in other cases. Follow Section 5, Chapter II - Decree 155/2020/ND-CP</i></p>  |  | <p>118/2020/TT-BTC, Quy định CBTT tại TT96/2020/TT-BTC, Quy chế thực hiện quyền bán hành kèm theo QĐ số 09/QĐ-HĐTV</p> <p><i>Follow detailed instructions under Circular 118/2020/TT-BTC, Regulations on Information Disclosure at TT96/2020/TT-BTC, Regulations on exercising rights issued together with Decision No. 09/QĐ-HĐTV</i></p>      |   |
| 6          | <p><b>Báo cáo sử dụng vốn sau phát hành</b><br/><i>Report on capital use after issuance</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành ra công chúng để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Mục a, Khoản 1, Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (Mẫu số 01 Phụ lục đính kèm Nghị định)</li> </ul> <p><i>Issued to the public to implement investment projects as prescribed in Section a, Clause 1, Article 9 of Decree 155/2020/ND-CP (Form No. 01 Appendix attached to the Decree)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải CBTT về lý do và quyết định của HĐQT về sự thay đổi theo quy định tại Mục a, Khoản 3, Điều 9 Nghị định</li> </ul> | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>                 | <p>Định kỳ 06 tháng sau khi phát hành và báo cáo cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo</p> <p><i>Periodically every 06 months after issuance and reporting until all mobilized capital is disbursed, within 05 working days from the end of the reporting period</i></p> | <p>UBCKNN, SGDCK, website Công ty SSC, HSX, Company website</p> |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>  | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i>                      | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/ Means of information disclosure                                |
|------------|---|---|--|--|
| 7          | <p>155/2020/NĐ-CP (Mẫu số 02 Phụ lục đính kèm Nghị định)</p> <p><i>In case there is a change in the purpose of capital use compared to the content stated in the prospectus, the issuing organization must information disclose for the reason and decision of the BoD on the change as prescribed in Section a, Clause 3, Article 9 Decree 155/2020/ND-CP (Form No. 02 Appendix attached to the Decree)</i></p> <p><b>Thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài</b><br/><b>Change in foreign ownership ratio</b><br/>(Thực hiện theo Điều 141, 142 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC)<br/>(Follow Articles 141, 142 of Decree 155/2020/ND-CP and Clause 2, Article 13 of Circular 96/2020/TT-BTC)</p> | Phòng Quan hệ cổ đông<br>Phòng Pháp chế/<br><i>Investor Relations Department</i><br><i>Legal Department</i> | Trong vòng 1 ngày kể từ ngày nhận được chấp thuận của UBCKNN<br><i>Within 1 day of receiving SSC approval</i>  | UBCKNN, SGDCK, VSD và website Công ty<br><i>SSC, HSX, VSD và Company website</i> |
| 8          | <p><b>Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ</b><br/><b>List of State Shareholders, strategic shareholders, blockholders and treasury shares</b></p> <p>- Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 1 năm dương lịch<br/><i>Report to the Stock Exchange List of State shareholders, strategic shareholders, blockholders and treasury shares 1st quarter of the calendar year</i></p>  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>  | Chậm nhất là ngày 10/03 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02)<br><i>No later than March 10 (based on the list of shareholders finalized until February 28)</i> | SGDCK/ HSX   |

| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin<br><i>Content of information disclosure</i>  | Người phụ trách cung cấp thông tin<br><i>Person in charge of providing information</i> | Thời hạn CBTT/ Information disclosure period   | Phương tiện CBTT/ Means of information disclosure |
|------------|---|--|--|---|
| -          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nư đồng được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày Quý 2 năm dương lịch</li> <li>- <i>Report to the Stock Exchange List of State shareholders finalized up to the nearest date before the date of the second quarter of the calendar year</i></li> </ul> | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | Chậm nhất là ngày 10/06<br>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)<br><i>No later than June 10 (based on the list of shareholders finalized up to the latest date before May 31)</i> | SGDCK/ HSX  |
| -          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nư đồng được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)2 năm dương lịch</li> <li>- <i>Report to the Stock Exchange List of State shareholders finalized up to the nearest date before May 31) of the calendar year</i></li> </ul>                      | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | Chậm nhất là ngày 10/09<br>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)   | SGDCK/ HSX  |
| -          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nư đồng được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)2 năm dương lịch</li> <li>- <i>Report to the Stock Exchange List of State shareholders finalized up to the nearest date before August 31) of the calendar year.</i></li> </ul>                  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i>                         | Chậm nhất là ngày 10/09<br>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)   | SGDCK/ HSX  |

## B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG/ UNUSUAL DISCLOSURE OF INFORMATION

- Thời gian CBTT: tất cả đều là **24 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện trừ khi có quy định khác.  
*Information disclosure time: all are 24 hours from the time of the event unless otherwise specified*
- Hình thức CBTT: UBCKNN, SGDCK và website Công ty.  
*Information disclosure form: SSC, HSX, Company website*
- Mẫu biểu: Mẫu Phụ lục VI kèm theo Quy chế CBTT 21/QĐ-SGDVN của SGDCK trừ phi có hướng dẫn khác.



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure  | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information |
|------------|--|--|
| 1          | <p><b>Các sự kiện sau đây khi CBTT phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).</b><br/> <b>When disclosing information, the following events must clearly state the occurrence, causes and solutions (if any).</b></p>  |  |
| a.         | <p>Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp hợp quy định tại điểm này;<br/> <i>The company's account at a bank or foreign bank branch is blocked at the request of a competent authority or when the payment service provider detects signs of fraud or violation of relevant laws related to payment accounts; Accounts are allowed to operate again after being blocked in the cases specified at this point;</i></p>  | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/> <i>Finance and Accounting Units</i></p>          |
| b.         | <p>Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;<br/> <i>When receiving a document from a competent state agency or when the company has a decision to temporarily suspend part or all of its business activities; change business registration content; revoke the Certificate of Business Registration; amend, supplement or suspend or revoke the Establishment and Operation License or Operation License;</i></p>  | <p>Phòng Pháp chế/ <i>Legal Department</i></p>                                   |
| c.         | <p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;<br/> <i>Approve the decision of the Extraordinary General Meeting of Shareholders. Disclosure documents include: Resolution of the General Meeting of Shareholders, meeting minutes and documents accompanying the minutes, resolutions or vote counting records (in case of collecting shareholders' opinions in writing). In case the General</i></p> | <p>Thư ký Công ty/ <i>Company Secretary</i></p>                                  |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure   | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information |
|------------|---|--|
|            | <i>Meeting of Shareholders approves the delisting, the company must disclose information about the delisting along with the approval rate of shareholders who are not blockholders;</i>   |  |
| d.         | <p>Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;</p> <p><i>Decide to buy back company shares or sell treasury shares; The date of exercise of the bond owner's right to purchase shares with the right to purchase shares or the date of conversion of convertible bonds into shares; decisions to offer securities abroad and decisions related to the offering and issuance of securities;</i></p>  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br>Investor Relations<br>Department                       |
| e.         | <p>Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;</p> <p><i>Decide on dividend level, form of dividend payment, and time of dividend payment; decide to split or combine stocks;</i></p>  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br>Investor Relations<br>Department                       |
| f.         | <p>Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p><i>Decide on enterprise reorganization (division, separation, consolidation, merger, conversion of enterprise type), dissolution, and bankruptcy of enterprises; change tax code, change company name, company seal; Change Location; new establishment or closure of headquarters, branches, factories, representative offices; promulgate, amend and supplement the Charter; strategy, medium-term development plan and annual business plan of the company;</i></p> | Thư ký Công ty/ Company<br>Secretary<br>Phòng Pháp chế/ Legal<br>Department      |
| g.         | <p>Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;</p> <p><i>Decide to change the accounting period and applicable accounting policies (except for changes in applicable accounting policies due to changes in legal regulations); Notify the auditing firm that has signed a contract to</i></p>   | Khối Tài chính Kế toán/<br>Finance and Accounting<br>Units                       |





| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure   | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information |
|------------|---|--|
|            | <i>audit the annual financial statements or change the auditing firm (after signing the contract); Cancellation of signed audit contract;</i>   |  |
| h.         | <p>Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;</p> <p><i>Decide to contribute capital to establish, buy to increase ownership in a company leading to that company becoming a subsidiary, affiliated company or sell to reduce the ownership ratio in a subsidiary, affiliated company leading to the company no longer being a subsidiary or associate company or dissolving the subsidiary or associate company;</i></p>  | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>           |
| i.         | <p>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;</p> <p><i>Decision of the General Meeting of Shareholders or Board of Directors approving contracts and transactions between the company and internal persons, related persons of internal persons or related persons of the company;</i></p>   | <p>Thư ký Công ty/<br/><i>Company Secretary</i></p>                              |
| j.         | <p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết/ <i>When there is a change in the number of shares with voting rights.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;<br/><i>Information disclosure time is as follows: In case the company issues additional shares or converts bonds or preference shares into shares, from the time the company reports to the State Securities Commission on Issuance results and conversion results according to legal regulations on securities issuance;</i></li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;<br/><i>In case the company repurchases its own shares or sells treasury shares, from the time the company reports the transaction results according to the law on repurchasing its own shares and selling treasury shares;</i></li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong</li> </ul> | <p>Phòng Quan hệ cổ đông/<br/><i>Investor Relations Department</i></p>           |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure   | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information                                 |
|------------|---|--|
|            | <p>thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;</p> <p><i>In case the company buys back shares from employees according to the company's regulations on issuing shares to employees or buys back odd-lot shares at the request of shareholders, the Company shall disclose information within the time limit. The first 10 days of the month on the basis of completed transactions and updates up to the date of information announcement;</i></p> |  |
| k.         | <p>Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)</p> <p><i>The company changes, appoints new, re-appoints, and dismisses internal people; receives a resignation letter from an internal person (the company needs to clearly state the effective date according to the provisions of the Enterprise Law and the company Charter)</i></p>          | <p>Khối Nhân lực &amp; Văn hóa<br/>Phòng Pháp chế<br/><i>People &amp; Culture Units<br/>Legal Department</i></p> |
| l.         | <p>Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;</p> <p><i>Decide to buy or sell assets or carry out transactions with a value greater than 15% of the company's total assets based on the most recent year's audited consolidated financial statements or the most recent 6-month financial statements that are reviewed;</i></p> | <p>Khối Tài chính Kế toán<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>  |
| m.         | <p>Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;</p> <p><i>Upon receiving the decision to prosecute the company or its internal people; Detention and criminal prosecution of company insiders;</i></p>  | <p>Phòng Pháp chế<br/><i>Legal Department</i></p>  |
| n.         | <p>Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;</p> <p><i>Upon receiving the legally effective judgment or decision of the Court related to the company's operations; Decision to sanction violations of tax laws;</i></p>   | <p>Khối Tài chính Kế toán<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>  |
| o.         | <p>Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;</p> <p><i>The Company received notice from the Court accepting the request to open bankruptcy proceedings;</i></p>  | <p>Phòng Pháp chế<br/><i>Legal Department</i></p>  |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure   | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br><i>Person in charge of providing information</i>   |
|------------|---|---|
| p.         | <p>Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;<br/><i>In case the company becomes aware of an event or information that affects the company's own stock price, the company must confirm or correct that event or information;</i></p>   | <p>Phòng Quan hệ cổ đông<br/>Phòng Pháp chế<br/>Các Khối/phòng chức năng<br/><i>Investor Relations Department<br/>Legal Department<br/>Functional Units/Departments</i></p> |
| q.         | <p>Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;<br/><i>When other events occur that have a major impact on the company's production, business or governance situation;</i></p>  | <p>Các Khối/phòng chức năng<br/><i>Functional Units/Departments</i></p>   |
| r.         | <p>Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;<br/><i>Decide to increase or decrease charter capital;</i></p>  | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i><br/>Phòng Quan hệ Cổ đông/<br/><i>Investor Relations Department</i></p>                                  |
| s.         | <p>Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);<br/><i>Decide to contribute capital to invest in an organization, project, borrow, lend or other transactions with a value of 10% or more of the company's total assets in the most recent audited annual financial statement or Most recent semi-annual financial report reviewed (based on consolidated financial statements);</i></p> | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>  |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure   | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information                             |
|------------|---|--|
| t.         | <p>Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).</p> <p><i>Decide to contribute capital with a value of 50% or more of the charter capital of an organization (determined according to the charter capital of the organization receiving capital contribution before the time of capital contribution).</i></p>  | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>                                       |
| u.         | <p>Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty kết hoặc thành liên doanh, công ty liên lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.</p> <p><i>Companies registering their company model and financial report type must disclose information after registering on the first trading day or re-registering their financial report type when changing their company model (by contributing capital to establish, buying to increase ownership in a company leading to that company becoming a subsidiary, joint venture company, affiliated company or selling to reduce ownership in a subsidiary or association company, resulting in that company no longer being a subsidiary, venture company, affiliated company or dissolving the subsidiary, venture company, associate company or becoming a venture company, Dissolve affiliated units) according to the form Appendix IV - Decision No. 21/QĐ-SGDVN.</i></p> | <p>Khối Tài chính Kế toán/<br/><i>Finance and Accounting Units</i></p>                                       |
| 2          | <p>Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p><i>Information disclosure about the extraordinary General Meeting of Shareholders or passing the Resolution of the General Meeting of Shareholders in the form of collecting shareholders' opinions in writing</i></p> <p>- Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;<br/><i>Information disclosure about the extraordinary General Meeting of Shareholders;</i></p> <p>- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nêu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.</p>   | <p>Thư ký Công ty/ Company Secretary<br/>Phòng Quan hệ cổ đông/<br/><i>Investor Relations Department</i></p> |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure  | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br><i>Person in charge of providing information</i>  |
|------------|--|--|
|            | <p><i>In case of soliciting opinions from the General Meeting of Shareholders in writing, at least 10 days before the deadline, the opinion form must be returned. If the company charter does not stipulate another longer period, the company must announce it on the information page electronic newsletter and, at the same time, send all shareholders opinion forms, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders and documents explaining the draft resolution.</i></p>   |  |
| 3          | <p>Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:<br/><i>Information disclosure related to the last registration date to exercise rights for existing shareholders:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;<br/><i>The company discloses information about the expected final registration date to exercise rights for existing shareholders at least 10 days before the expected final registration date;</i></li> <li>- Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.<br/><i>The company discloses information about the expected final registration date to exercise the right of existing shareholders to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days before the expected final registration date.</i></li> </ul> | Phòng Quan hệ cổ đông<br><i>Investor Relations Department</i>  |
| 4          | <b>CBTT khi mua bán cổ phiếu quỹ/ Information disclosure when buying and selling treasury shares</b>   |  |
| a.         | Mua/ thu hồi cổ phiếu ESOP theo quy chế phát hành cổ phiếu của Công ty<br><i>Buy/ revoke ESOP shares according to the Company's stock issuance regulations</i>   | Phòng Quan hệ cổ đông<br><i>Investor Relations Department</i>  |
| b.         | Mua, bán cổ phiếu của Công ty trong các trường hợp khác/ <i>Buy and sell shares of the Company in other cases</i><br>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.<br><i>In case a company repurchases its own shares after paying for all the repurchased shares, if the total value of assets recorded in the accounting books decreases by more than 10%, the company must notify all creditors and disclose information within 15 days from the date of completing the payment obligation to repurchase shares.</i>  | Phòng Quan hệ cổ đông/<br><i>Investor Relations Department</i><br>Khối tài chính Kế toán/<br><i>Finance and Accounting Units</i> |



| Stt<br>No. | Nội dung công bố thông tin/ Content of information disclosure  | Người phụ trách cung cấp thông tin/<br>Person in charge of providing information |
|------------|--|--|
| 4          | <p><b>CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác/ Information disclosure in other special cases</b></p> <p><b>Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn</b><br/> <i>Information Disclosure on offering, issuance, listing, transaction registration and capital use reports</i><br/>         Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.<br/> <i>Public companies carry out private securities offerings, public securities offerings, securities issuance, listing, and transaction registration to fulfil the obligation to disclose information about offering and issuance activities, Listing, registering for trading and reporting on capital use according to legal regulations on offering and issuing securities, listing and registering for securities trading.</i></p> | <p>Phòng Quan hệ cổ đông<br/> <i>Investor Relations Department</i></p>           |
| b          | <p><b>Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</b><br/> <i>Information Disclosure on foreign ownership ratio</i><br/>         Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu<br/> <i>Public companies must disclose information about their company's maximum foreign ownership ratio and changes related to this ownership ratio on the company's website, the Stock Exchange, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and the information disclosure system of the State Securities Commission according to securities laws guiding investment activities</i></p>   | <p>Phòng Quan hệ cổ đông<br/> <i>Investor Relations Department</i></p>           |

### C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU/ INFORMATION DISCLOSURE ON REQUEST

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK:



*In the following cases, the Company discloses information within 24 hours from receipt of a request from the SSC and the Stock Exchange:*

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

*When an event occurs that seriously affects the legitimate interests of investors;*

b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

*There is information related to the Company that greatly affects stock prices and it is necessary to confirm that information*

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

*The content of information disclosed upon request must clearly state the event requested to be announced by the SSC or the Stock Exchange; the cause and the Company's assessment of the authenticity of that event, solutions (if any).*

#### **D. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ Information Disclosure about transactions of Internal Persons and related persons of Internal Persons**

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

*Internal persons of the Company and related persons of this subject must disclose information and reports before and after making transactions to the Company, SSC and the Stock Exchange when the expected daily transaction value is 50 million VND or more or the expected monthly transaction value is 200 million VND or more calculated based on par value (for stocks and convertible bonds). ) or according to the most recent issue price (for covered warrants) or transfer value (for stock purchase rights, convertible bond purchase rights), including cases of transfer not through the trading system at the Stock Exchange (such as transactions of giving or being given, giving or being gifted, inheriting, transferring or receiving transfer of securities and other cases), specifically as follows:*



- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu ) theo **Phụ lục XIII –TT96** kèm theo Quy chế này.  
*Before making a transaction: At least 03 working days before the date of making a transaction, the Company's internal person and related person of the internal person must disclose information and report to SSC, Stock Exchange and the Company about the expectation for the stock transaction) following **Appendix XIII –TT96** attached to these Regulations.*
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK. (Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).  
*The time limit for conducting transactions must not exceed 30 days from the date of registration for trading and the first trading session may only begin on the trading day immediately following the date of announcement from the Stock Exchange (Except in the case of making purchases in stock issuances or public offering transactions, the subjects required to disclose information are exempt from the obligations specified in this Point and comply with the law on offering activities. , issue, public offer).*

*Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

*Note: Internal persons of the Company and related persons of internal persons are not allowed to simultaneously register to buy and sell shares in the same registration period and must carry out transactions according to the registered time and volume.*

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV –TT96** kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).







*After making the transaction: Within 05 working days from the date of completion of the transaction (in case the transaction ends before the registration deadline) or the end of the expected transaction period, internal persons of the Company and related persons of Internal persons must report to the SSC, the Stock Exchange and the Company on the results of transactions according to **Appendix XIV –TT96** attached to this Regulation, and at the same time explain the reasons for not being able to carry out the transaction or not making all the registered volume (if any).*

**Ghi chú/ Note**















- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.  
*Internal persons of the Company and related persons of Internal persons are only allowed to register and make the next transaction after reporting the end of the previous transaction.*
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.  
*In case after registering a transaction, the subject of the transaction registration is no longer an internal person of the Company and a related person of the internal person, the subject of the transaction registration must still carry out reporting and public disclosure. Disclose information according to regulations.*
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.  
*In case a securities company is a related person of an internal person of an organization listed or registered for trading, when correcting errors in trading listed or registered stocks, the company must report to SSC. , the Stock Exchange and the Company within 24 hours from the time of completing the error correction transaction.*
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.  
*In the case of the parent company or political organizations or socio-political organizations of the Company (trade unions, youth unions...), individuals holding other management positions as prescribed in the Company's Charter do so. Current stock transactions must comply with information disclosure obligations as prescribed for insiders.*
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.  
*The Company publishes on the company's website within 03 working days after receiving reports related to stock transactions of internal persons of the Company and related persons of internal people.*

**PHỤ LỤC 2: CÁC MẪU BIỂU/ APPENDIX 2: FORMS**

| STT<br>No. | Nội dung/ Contents   | Biểu mẫu/ Forms  |
|------------|--|--|
| 1.         | Báo cáo thường niên/ <i>Annual report</i><br>(Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ ( <i>Appendix IV - Circular No. 96/2020/TT-BTC</i> )   | <br>Phụ lục IV - TT96 -<br>BCTN             |
| 2.         | Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm/ <i>Management report for the first 6 months of the year/year</i><br>(Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ ( <i>Appendix V - Circular No. 96/2020/TT-BTC</i> )   | <br>Phụ lục V - TT96 -<br>BCQT              |
| 3.         | Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty/ <i>The table provides information about corporate governance</i><br>(Mẫu NY-02 – Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết)/ ( <i>Form NY-02 – Regulations on listing and trading of listed securities</i> ) | <br>Mẫu NY-02.docx                          |
| 4.         | Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty/ <i>List of state shareholders, strategic shareholders, major shareholders and company treasury shares</i>   | <br>(MCK) - Danh sách<br>CDL, CDCL, CDNN, C |
| 5.         | Thay đổi người nội bộ/ <i>Changing the internal persons</i><br>(Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ ( <i>Appendix I - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021</i> )   | <br>Phụ lục I - Thay đổi<br>NINB          |
| 6.         | Bản cung cấp thông tin người nội bộ/ <i>A copy of information of internal person</i><br>(Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ ( <i>Appendix III - Circular No. 96/2020/TT-BTC</i> )  | <br>Phụ lục III - TT96 -<br>BCCTT         |



| STT<br>No. | Nội dung/ Contents   | Biểu mẫu/ Forms   |
|------------|--|---|
| 7.         | Thay đổi người có liên quan của người nội bộ/ <i>Changing related person of internal person</i> (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ (Appendix II - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021)                     | <br>Phụ lục II - Thay đổi NCLQ của NNB         |
| 8.         | Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ <i>Changing business registration certificate</i> (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ (Appendix III - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021)                  | <br>Phụ lục III - Thay đổi Giấy CNDKDN         |
| 9.         | Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính/ <i>Registering the company model and financial report type</i> (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ (Appendix IV - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021)   | <br>Phụ lục IV - TB đăng ký, thay đổi m        |
| 10.        | Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành/ <i>Changing the number of outstanding voting shares</i> (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ (Appendix V - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021) | <br>Phụ lục V - TB thay đổi SLCP đang lưu h    |
| 11.        | Công bố thông tin bất thường/ <i>Unusual information disclosure</i> (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)/ (Appendix VI - Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021)   | <br>Phụ lục VI - CBTT bất thường.docx         |
| 12.        | Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn/ <i>Report on the date of becoming/no longer being a blockholder</i> (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ (Appendix VII - Circular No. 96/2020/TT-BTC)                               | <br>Phụ lục VII - CDL                        |
| 13.        | Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.                                | <br>Phụ lục VIII - CDL giao dịch vượt ngưỡng |

| STT<br>No. | Nội dung/ Contents  | Biểu mẫu/ Forms  |
|------------|---|--|
|            | <p><i>Report on stock transactions of major shareholders, investors owning 5% or more of the company's voting shares when there is a change in the number of shares over the threshold of 1% of the voting shares.</i></p> <p><i>(Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ (Appendix VIII - Circular No. 96/2020/TT-BTC)</i></p> |  |
| 14.        | <p>Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ</p> <p><i>Notice of Share Transactions of Internal Persons and Related Persons of Internal Persons</i></p> <p><i>(Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ (Appendix XIII - Circular No. 96/2020/TT-BTC)</i></p>                     |  <p>Phụ lục XIII - Thông<br/>báo GD NNB</p> |
| 15.        | <p>Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/</p> <p><i>Report on results of stock transactions of internal persons and related persons of internal persons</i></p> <p><i>(Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)/ (Appendix XV - Circular No. 96/2020/TT-BTC)</i></p>           |  <p>Phụ lục XV - Báo<br/>cáo GD NNB</p>     |
| 16.        | <p>Tóm tắt số cổ đông của công ty/ <i>Summary of the company's shareholder book</i></p> <p><i>(CBTT/SGDHCM-09 - Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)/ (CBTT/SGDHCM-09 - Decision No. 340/QĐ-SGDHCM)</i></p>   |  <p>Mau 12 -<br/>TTSCD.docx</p>             |
| 17.        | <p>Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu/ <i>Announce the final registration date to exercise rights for existing shareholders</i></p> <p><i>(Mẫu 07/THQ - Quyết định 09/QĐ-HĐTV ban hành ngày 10 tháng 08 năm 2023)/ (Form 07/THQ - Decision 09/QĐ-HĐTV issued on August 10, 2023)</i></p>         |  <p>Mau 07-THQ.doc</p>                     |
| 18.        | <p>Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán/ <i>Report on progress in using capital obtained from the offering</i></p> <p><i>(Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)/ (Decree No. 155/2020/ND-CP)</i></p>   |  <p>Báo cáo tiến độ sử<br/>dụng vốn</p>   |